

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/DS-PT
Ngày 20-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền;
yêu cầu trả lại bản chính giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài.

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 682/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền; yêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 593/2025/QĐ-PT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 66/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu P, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Đặng Thành Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2022); vắng mặt.

2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Đình B, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: số G đường C, tổ B, khu C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Văn phòng C1; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Thành Đ trình bày:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 02976, do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2008, phần đất có tổng diện tích là 6.095,0m² thuộc các thửa 474, 475, 476, 477 tờ bản đồ số 41 địa chỉ thửa đất: xã A, huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương. Ngày 26/8/2019, bà P ký hợp đồng ủy quyền toàn bộ phần đất nêu trên cho ông Vũ Đình B. Nội dung ủy quyền được thể hiện rõ trong hợp đồng ủy quyền đã được Văn phòng C1 chứng thực số công chứng 2164, quyền số: 01/2019/CC-SCC/HĐGD ký ngày 26/8/2019 đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay giữa bà P và ông B đã ly hôn nên bà P làm đơn khởi kiện ông B. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Hợp đồng ủy quyền công chứng số 2164, quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ký kết ngày 26/8/2019 giữa bà Đặng Thị Thu P và ông Vũ Đình B tại Văn phòng C1 và buộc ông Vũ Đình B trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2008 cho bà Đặng Thị Thu P. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

2. Theo bản tường trình ngày 15 tháng 8 năm 2022 của bị đơn (ông B), trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Đình B trình bày:

Trước đây, ông B và bà Đặng Thị Thu P là vợ chồng nhưng đến ngày 21/7/2022, ông B và bà Đặng Thị Thu P đã ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 165/2022/QĐST-HNGĐ. Năm 2008, khi ông B, bà P còn là vợ chồng thì ông B, bà P có mua một phần đất có diện tích 6.095m² (gồm các thửa 474, 475, 476, 477), thuộc tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã A, huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương, đã được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 573294, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02976 ngày 14/7/2008 cho bà Đặng Thị Thu P với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ông B, bà P có cho bà Thiều Thị M ở ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình

Dương mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để bà M thế chấp để mượn số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, vài năm sau bà M bỏ địa phương đi nên ông B phải bỏ tiền ra để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên về. Khoảng năm 2017, bà P bỏ ông B đi, thời gian này ông B còn một bầy heo rừng và 12 con chó, ông B phải vay số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) của ngân hàng để dùng vào việc nuôi heo, chó để lo tiền để kiện vụ tranh chấp đất với người khác. Tuy nhiên, ông B chưa kịp làm thì bà P về quê chăm sóc bà ngoại của bà P (02 lần). Sau khi bà ngoại của bà P chết, tổng chi phí ông B đã đưa cho bà P là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Thời gian này, ông B và bà P nợ tiền nhiều người nhưng do bà P đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên ông B không chuyển nhượng cho người khác được. Khi bà P về, ông B và bà P thỏa thuận việc bà P lập hợp đồng ủy quyền toàn bộ phần đất nêu trên cho ông B để ông B chuyển nhượng toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất nêu trên cho người khác. Sau khi bà P ký hợp đồng ủy quyền cho ông B xong thì ông B có giao cho bà P số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, khi bà P sinh con (bé C là con riêng của bà P) nhưng ông B vẫn chu cấp cho bé C mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), đến ngày 01/5/2020 mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến khoảng năm 2022. Ngoài ra, ông B có cho bà P số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để bà P có tiền làm thủ tục nhận quyền sử dụng đất mà cha, mẹ ruột của bà P cho bà P. Trước khi bà P ủy quyền cho ông B theo Hợp đồng công chứng số 2164, quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ký ngày 26/8/2019 (tại Quảng Bình nơi bà P đang sinh sống) đối với toàn bộ phần đất nêu trên thì ông B đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất nêu trên cho ông Bùi Văn T ở thành phố T, tỉnh Bình Dương với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cũng như trước khi ông B và bà P ly hôn vào năm 2022. Ông B dùng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để trả cho ông T1 ở xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tiền chi phí và cho bà P là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Do đó, hiện nay số tiền chuyển nhượng phần đất nêu trên không còn nữa. Ngoài ra, theo đơn xin ly dị không có ngày tháng năm do chính bà Đặng Thị Thu P tự viết và ký tên trước khi ông và bà P ly hôn thì bà P đã tự nguyện giao mọi tài sản để lại cho ông B. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà P, ông B không đồng ý. Ngoài ra, ông B không có ý kiến gì khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông T) vắng mặt: Chứng cứ của ông T cung cấp gồm: Xác nhận thông tin về cư trú; căn cước công dân; Hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2022. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

4. Theo Công văn số 98/VPCC ngày 10/8/2023 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của Văn phòng C1 trình bày:

Văn phòng C1 có chứng thực Hợp đồng ủy quyền số 2164, quyền số 01/2019/TPCC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2019, hợp đồng ủy quyền nêu trên được chứng nhận đúng quy định pháp luật về trình tự thủ tục công chứng, chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với hợp đồng được

xác lập. Chủ thể tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, các bên đã yêu cầu công chứng, đọc lại hợp đồng và được giải thích rõ nội dung hợp đồng, hậu quả pháp lý, các bên ký vào từng trang của hợp đồng, ghi rõ “tôi đã đọc và đồng ý” và ký, điểm chỉ vào hợp đồng trước sự chứng kiến của Công chứng viên. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng tuân thủ theo quy định của pháp luật dân sự và công chứng. Văn phòng C1 không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P. Văn phòng C1 cung cấp bản sao lục hồ sơ công chứng đến Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thanh V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Công văn số 59/2023/QĐ-CCTLCC ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, hiện nay vì lý do công việc nên bà Nguyễn Thị Thanh V không tham gia vụ án được. Vì vậy, bà V làm đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P đối với bị đơn ông Vũ Đình B, cụ thể như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P đối với bị đơn ông Vũ Đình B về việc yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số 2164/quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2019 được ký kết giữa bà Đặng Thị Thu P và ông Vũ Đình B do Văn phòng C1; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương chứng thực.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P đối với bị đơn ông Vũ Đình B về việc yêu cầu bị đơn ông Vũ Đình B trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2008 cho nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 20/9/2024 ông Đặng Thành Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P do ông Lê Văn L đại diện thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau: không đưa Văn phòng Công chứng Sở Sao vào tham gia tố tụng, không xem xét giải quyết hậu quả đối với Hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2022 được ký kết giữa bị đơn

ông Vũ Đình B với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T, đã được Văn phòng Công chứng Sở Sao chứng thực số công chứng 003646, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2022. Bị đơn ông Vũ Đình B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của vị Luật sư và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền được công chứng số 2164, quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2019 tại Văn phòng C1 giữa bà Đặng Thị Thu P và ông Vũ Đình B và buộc ông Vũ Đình B trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2008 cho bà Đặng Thị Thu P. Lý do đưa ra yêu cầu khởi kiện trên là vì nguyên đơn không muốn tiếp tục ủy quyền cho bị đơn nữa và đồng ý thanh toán lại cho bị đơn số tiền thù lao là 500.000 đồng. Bị đơn ông B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất nêu trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T vào ngày 05/8/2018 với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) trước ngày bị đơn và nguyên đơn ký Hợp đồng ủy quyền ngày 26/8/2019, số tiền này bị đơn đã trả nợ và giao cho nguyên đơn tổng cộng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Hiện nay, toàn bộ phần đất nêu trên bị đơn cũng đã ký hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2022 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, căn cứ vào “Đơn xin ly dị” không có ngày tháng năm do chính nguyên đơn tự viết và ký tên trước khi bị đơn và nguyên đơn ly hôn thì nguyên đơn đã tự nguyện giao mọi tài sản để lại cho bị đơn. Bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh cho việc giao nhận số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cho nguyên đơn, cũng như nội dung “Đơn xin ly dị” không ngày tháng mà bị đơn cho rằng nguyên đơn đã từ bỏ mọi tài sản.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn có ký Hợp đồng ủy quyền số 2164, quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2019 được Văn phòng C1 chứng thực. Theo nội dung hợp đồng ủy quyền nêu trên thì nguyên đơn ủy quyền cho bị đơn để bị đơn thay mặt và nhân danh nguyên đơn thực hiện những công việc sau: Toàn quyền quản lý, đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, nhận đặt cọc (kể cả sửa đổi, bổ sung,

hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho, thuê, thế chấp), đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 474, 475, 476, 477, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thửa đất xã A, huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02976 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2008 cho bà Đặng Thị Thu P. Xét thấy, nội dung nguyên đơn ủy quyền cho bị đơn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn cũng đã thực hiện theo đúng nội dung ủy quyền, đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T bằng Hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2022 trước khi nguyên đơn và bị đơn ly hôn (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 165/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2022). Do đó, hợp đồng ủy quyền ngày 26/8/2019 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Số tiền bị đơn chuyển nhượng các thửa đất nêu trên đã được sử dụng trong thời kỳ hôn nhân và nguyên đơn không có ý kiến gì đối với việc bị đơn chuyển nhượng các thửa đất nêu trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T nên bị đơn không vi phạm những nội dung mà nguyên đơn ủy quyền cho bị đơn theo Hợp đồng ủy quyền số 2164, quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ký ngày 26/8/2019 được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V chứng thực. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền trên là không có căn cứ chấp nhận. Do yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền không được chấp nhận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho nguyên đơn cũng không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên bị đơn đã giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T. Ngoài ra, tại Biên bản làm việc ngày 29/3/2023 của Tòa án đã ghi nhận ý kiến của đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đ cho rằng chữ viết và chữ ký tên trong “*Đơn xin ly dị*” không có ngày tháng năm mà bị đơn cung cấp nguyên đơn có nội dung nguyên đơn đã tự nguyện giao mọi tài sản để lại cho bị đơn không phải chữ viết và chữ ký tên của bà Đặng Thị Thu P nên ông Đ yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu chữ viết, chữ ký tên và họ tên của bà Đặng Thị Thu P tại Phòng K Công an tỉnh B. Tuy nhiên, đến nay ông Đ vẫn không có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu chữ viết, chữ ký tên và họ tên của bà Đặng Thị Thu P trong “*Đơn xin ly dị*” không có ngày tháng năm tại Phòng K Công an tỉnh B được xem là nguyên đơn đã thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong “*Đơn xin ly dị*” không có ngày tháng năm (có nội dung nguyên đơn đã tự nguyện giao mọi tài sản để lại cho bị đơn) mà bị đơn cung cấp là chữ viết và chữ ký tên của bà Đặng Thị Thu P. Vì vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do hợp đồng ủy quyền số 2164, quyền số 01/2019/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2019 được ký kết giữa bà Đặng Thị Thu P và ông Vũ Đình B có hiệu lực pháp luật nên hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2022 được ký kết giữa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã được Văn phòng Công chứng Sở Sao chứng thực số công chứng 003646, quyền số 02/2022 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 23/3/2022 có hiệu lực pháp luật. Giữa ông B1 và ông T không tranh chấp gì đối với hợp đồng ủy quyền này nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng Công chứng Sở Sao tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Trường hợp giữa ông B và ông T có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Do vậy, đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không đưa Văn phòng Công chứng Sở Sao vào tham gia tố tụng, không xem xét giải quyết hậu quả đối với Hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2022 được ký kết giữa bị đơn ông Vũ Đình B với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T, đã được Văn phòng Công chứng Sở Sao chứng thực số công chứng 003646, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2022 là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000441 ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

Huỳnh Thị Thanh Tuyên